

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Giang Thị Vượng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Tuyền;

2. Bà Lê Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyết - Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Lai Châu - có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1999;

Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã T, tỉnh Lai Châu - vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: Ma Cao, Trung Quốc.

3. Người tham gia tố tụng khác:

Cháu Hà Thiên P, sinh ngày 07/5/2018 (là con chung của chị Tòng Thị C và anh Hà Văn T).

Địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Lai Châu - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản ghi lời và trong quá trình giải quyết vụ án chị Tòng Thị C trình bày: Chị C và anh T kết hôn ngày 13/9/2019 trên cơ

sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không chịu tu chí làm ăn hay chơi bời, cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình nên dẫn đến cãi vã không tìm được tiếng nói chung, không thể chung sống; chị C và anh T đã sống ly thân từ 15/6/2023. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C làm đơn xin đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung cháu tên là Hà Thiên P sinh ngày 07/5/2018, sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn T không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C.

Ý kiến của con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2025, cháu Hà Thiên P trình bày: Bố cháu đi làm ăn ở nước ngoài, hiện tại cháu đang ở cùng ông bà nội, thi thoảng bố có gọi điện thoại về cho cháu và ông bà nhưng cháu không biết địa chỉ cụ thể bố đang ở đâu. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, nếu mẹ đi vắng thì cháu ở cùng với ông bà nội.

UBND xã T, huyện T (nay là UBND xã T) cung cấp: anh Hà Văn T hiện không có mặt tại địa phương, bố mẹ đẻ anh T và con chung của anh chị là cháu Hà Thiên P hiện đang sinh sống tại bản Phiêng Phát, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của anh Hà Văn T theo đúng quy định của pháp luật tại: UBND xã T (nay là UBND xã T); bản Phiêng Phát, xã T, huyện T (nay là bản P, xã T, tỉnh Lai Châu; trụ sở TAND tỉnh Lai Châu và gửi cho bố mẹ đẻ anh T để thông tin đến cho anh T.

Theo lời trình bày của mẹ đẻ anh T: Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng bà đều nói cho anh T được biết. Anh T biết là chị C xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn theo ý của chị C nhưng không nêu ý kiến bằng văn bản.

Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh L cung cấp: Khi nhận được Công văn số 102/CV-CCTTĐS, ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu về việc cung cấp thông tin của đương sự, sau khi kiểm tra Phòng Q, Công an tỉnh L cung cấp thông tin như sau:

Về thông tin hộ chiếu: Xác định anh Hà Văn T, sinh ngày 06/7/1999, số CCCD số: 012099005603; có địa chỉ cư trú tại Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu đã được cấp một quyển hộ chiếu số E00402186, cấp ngày 19/6/2023 và có giá trị đến ngày 19/6/2033, do Cục Q1 Bộ C1 cấp.

Về thông tin xuất, nhập cảnh: Vào ngày 04/7/2023, anh Hà Văn T có sử dụng hộ chiếu trên để xuất cảnh qua cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh nhưng chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện mục đích hôn nhân giữa anh chị Tòng Thị C và anh Hà Văn T không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 37, 39, 147, 227, 228, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 127 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tòng Thị C, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị C và anh Hà Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là Hà Thiên P sinh ngày 07/5/2018 cho chị Tòng Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, chị C không được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Tòng Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Tòng Thị C và anh Hà Văn T đều có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là xã T, tỉnh Lai Châu). Chị Tòng Thị C nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Hà Văn T tại Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, trong đơn khởi kiện chị C chỉ nêu về nguyên nhân mâu thuẫn và cung cấp địa chỉ nêu trên và thông tin thêm anh T hiện không ở trong nước, chỉ nghe thông tin anh T đang đi làm ở Ma Cao, Trung Quốc nhưng cụ thể địa chỉ cụ thể thì chị không biết. Quá trình xem xét đơn khởi kiện Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã có Công văn số 102/CV-CCTTĐS, ngày 22/4/2025 của Tòa án

nhân dân tỉnh Lai Châu về việc cung cấp thông tin của đương sự, sau khi kiểm tra Phòng Q, Công an tỉnh L cung cấp thông tin như sau: Về thông tin hộ chiếu: Xác định anh Hà Văn T, sinh ngày 06/7/1999, số CCCD số: 012099005603; có địa chỉ cư trú tại Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu đã được cấp một quyển hộ chiếu số E00402186, cấp ngày 19/6/2023 và có giá trị đến ngày 19/6/2033, do Cục Q1 Bộ C1 cấp. Về thông tin xuất, nhập cảnh: Vào ngày 04/7/2023, anh Hà Văn T có sử dụng hộ chiếu trên để xuất cảnh qua cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh nhưng chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vụ án được TAND tỉnh Lai Châu thụ lý ngày 29/4/2025, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 469, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; 127 Luật HNGĐ năm 2014 xác định đây là tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Vào ngày 04/7/2023, anh Hà Văn T có sử dụng chiếu số E00402186 để xuất cảnh qua cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh nhưng chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Hiện tại anh Hà Văn T đang ở nước ngoài nhưng không có địa chỉ cụ thể, gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T và cũng không gửi được các văn bản tố tụng theo yêu cầu của Tòa án cho anh T. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao được xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án không tiến hành hoà giải được nên giải quyết theo thủ tục chung. Tại phiên tòa ngày 04/7/2025 Tòa án tiến hành xét xử vụ án, tuy nhiên anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa đến ngày 21/7/2025 mở lại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có ý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị C và anh Hà Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 13/9/2019 do vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không chịu tu chí làm ăn hay chơi bời, cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình nên dẫn đến cãi vã không tìm được tiếng nói chung, không thể chung sống. Chị C và anh T đã sống ly thân từ 15/6/2023 và đến ngày 04/7/2023 anh T đi làm ở nước ngoài, chị C không biết địa chỉ cụ thể ở nước nào, chỉ nghe nói là ở Ma Cao - Trung Quốc. Anh chị vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng anh T không nói cho chị C biết rõ anh làm gì, địa chỉ cụ thể ở đâu. Vợ chồng sống ly thân, tình cảm không còn, anh T không còn quan tâm đến chị C; chị C không còn tình cảm với

anh T; cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C xin ly hôn với anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã trầm trọng, hiện nay mỗi người sống một nơi xa nhau về địa lý, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị C được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là cháu Hà Thiên P, sinh ngày 07/5/2018, hiện cháu đang ở cùng chị C và ông bà nội. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu P mong muốn được ở với mẹ, nếu mẹ đi vắng thì cháu ở với ông bà nội.

Xét thấy cháu P còn nhỏ anh T đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu được. Vì vậy, để ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung cho chị C có trách nhiệm nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Trường hợp anh T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung, cho vay chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Tòng Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị C được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Tòng Thị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Hà Thiên P, sinh ngày 07/5/2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản, nợ chung, cho vay chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000051 ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Chị Tòng Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện CT & KS xét xử PT tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Tân Uyên (UBND xã Trung Đồng cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Giang Thị Vượng